

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS- ST
Ngày: 16/06/2023
V/v: “Tranh chấp về thực hiện
nghĩa vụ thanh toán hàng hoá”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Dần

2. Ông Nguyễn Mạnh Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 16/06/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ thanh toán hàng hoá”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST- DS ngày 31 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng K - Sinh năm: 1982

Nơi ĐKKHKT: Thôn ĐH, xã TĐ, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi ở hiện nay: Khu phố 1 LS, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Huy M - Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt lần thứ 2, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hồng K trình bày:

Anh Lê Huy M là khách hàng nhà anh K. Từ ngày 13/08/2020 đến ngày 29/08/2020, anh M có mua tôn lợp nhà và hộp kềm cùng phụ kiện cơ khí hết tổng số tiền là 28.684.660đ (Hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm sáu mươi đồng). Anh M đã trả cho anh K 02 lần: Lần 1 là: 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng); Lần 2 là: 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); tổng đã trả là: 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng). Anh M hẹn với anh K sau lần thanh toán cuối cùng

vào ngày 14/04/2021 là một tuần sau sẽ trả hết số tiền còn lại. Đến hạn trả nợ, anh K đã nhiều lần yêu cầu anh M trả số tiền đã vay nhưng anh M vẫn không trả cho anh K. Vì vậy, anh K làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh M phải trả cho anh K số tiền là 9.184.660đ (Chín triệu một trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh M về việc Tòa án đã thụ lý vụ án để anh M trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của anh K nhưng anh M không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã triệu tập anh M lên để trình bày ý kiến nhưng anh M đã rời khỏi địa phương, qua xác minh tại địa phương Tòa án được biết tại thời điểm triệu tập anh M không có mặt tại nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về, do khi đi anh M không báo cáo với Chính quyền địa phương nên hiện nay không xác định được địa chỉ cư trú mới của anh M. Do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh M vẫn không có mặt để trình bày ý kiến nên trong hồ sơ vụ án không có ý kiến của anh M.

Toà án cũng đã làm việc với chị Lưu Thị Yến là vợ anh M, chị Yến trình bày không liên quan đến việc mua bán, nợ nần giữa anh M và anh K, lúc mua bán, vận chuyển vật liệu đến nhà chị cũng không biết vì chị thường xuyên không có ở nhà. Các vật liệu xây dựng gồm tôn lợp nhà và hộp kềm cùng phụ kiện cơ khí như anh K trình bày anh M mang đi làm cho khách, không phục vụ vào mục đích gia đình. Số tiền mà anh M đi làm cho khách chị Yến cũng không biết, không liên quan vì hiện nay chị và anh M đang sống ly thân khoảng 04 năm nay. Chị Yến trình bày hiện nay chị cũng không biết anh M đang ở đâu, lâu nay vợ chồng không liên lạc.

Tại phiên tòa anh K vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung. Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc anh M rời khỏi địa phương không thông báo cho chính quyền địa phương và phía nguyên đơn biết nhằm mục đích trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ với nguyên đơn, đây được coi là cố tình giấu địa chỉ nên việc Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật buộc anh M phải trả cho anh K số tiền là 9.184.660đ (Chín triệu một trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hồng K và anh Lê Huy M đang Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ thanh toán hàng hoá do anh M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Bị đơn là

anh Lê Huy M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố N, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) thì đây là vụ án tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh M đã đi khỏi địa phương, qua xác minh tại địa phương xác định anh M đã rời khỏi địa phương đến nay không rõ địa chỉ cư trú mới. Việc anh M thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Chính quyền địa phương cũng như không thông báo địa chỉ mới cho phía nguyên đơn biết nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ đối với phía nguyên đơn. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS, Điều 6 nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai toàn bộ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự được biết nhưng anh M vắng mặt, anh K đề nghị Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh M nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh M và đã niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh M được biết theo quy định khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Do anh M không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh K đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được theo khoản 4 Điều 207 BLTTDS. Tại phiên toà anh K vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M cũng đã triệu tập hợp lệ đến để tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh K, anh M.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện anh Nguyễn Hồng K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bên tiến hành giao dịch dân sự về mua bán vật liệu xây dựng trên nguyên tắc tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật. Anh K đã giao đủ vật liệu cho anh M nhưng anh M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối anh K. Vì vậy, anh K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh M phải trả số tiền 9.184.660đ (Chín triệu một trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) còn lại chưa thanh toán là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 275, 280, 351, 353, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng K.

2. Buộc anh Lê Huy M phải trả cho anh Nguyễn Hồng K số tiền là 9.184.660đ (Chín triệu một trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu anh M không trả đầy đủ hoặc không trả số tiền nợ trên thì anh K có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật. Kể từ khi anh K có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng anh M còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Anh Lê Huy M phải chịu 459.000đ (Bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Nguyễn Hồng K số tiền 230.000đ (Hai trăm ba mươi nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo biên lai số AA/2021/0007965 ngày 24/02/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh K, anh M. Anh K, anh M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS Huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dần

Nguyễn Mạnh Thìn

Lê Văn Quân